

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1307/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Anh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1031/2016/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2016 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 331/2017/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh P, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Tạm trú: xã X, huyện H, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2016 và trong các bản tự khai, nguyên đơn chị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị H đăng ký kết hôn với anh P tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/4/2005 (Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2005/Quyển số 01/2005). Sau khi kết hôn được một thời gian, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách, suy nghĩ và lối sống khác nhau. Năm 2009 anh P vào Tp.HCM làm việc, chị H và con sống với gia đình chị H ở Hải Dương. Năm 2014 anh P có về Bắc thăm gia đình

nhưng không sống chung với chị H. Trong khoảng thời gian vợ chồng không chung sống với nhau, anh P thiếu trách nhiệm, không quan tâm, thương yêu đối với vợ con, từ đó giữa hai vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Chị H đã nhiều lần nói chuyện, góp ý nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2009 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị H yêu cầu ly hôn anh P.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu V, sinh ngày 18/3/2006. Hiện nay cháu V đang sống chung với chị H. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cháu V và không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai đề ngày 08/8/2016, bị đơn anh P trình bày:

Về hôn nhân: Trước đây anh P và chị H có thỏa thuận vợ chồng ly hôn và anh P biết việc chị H nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương. Hiện nay anh P có nguyện vọng đoàn tụ, do vậy anh P không đồng ý ly hôn với chị H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh P nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn anh P hiện đang cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chị H (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh P (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh P.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/4/2005, do vậy hôn nhân của chị H và anh P là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh P nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết. Căn cứ nội dung xác minh của Tòa án nhân dân huyện C tại Biên bản xác minh ngày 03/8/2016 thể hiện giữa chị H và anh P có mâu thuẫn và vợ chồng không sống chung với nhau từ năm 2009 đến nay. Phía chị H xác định trong thời gian vợ chồng không sống chung, hai bên không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm

sóc, giúp đỡ nhau, không ai có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình nên tình cảm vợ chồng không còn. Phía anh P không muốn vợ chồng ly hôn, tuy nhiên qua các lần hòa giải tại Tòa án, phía anh P vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, điều đó thể hiện anh P không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, anh P đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: chị H và anh P có 01 con chung là cháu V, sinh ngày 18/3/2006. Chị H có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Căn cứ nội dung xác minh của Tòa án nhân dân huyện C tại Biên bản xác minh ngày 03/8/2016 thể hiện cháu V hiện đang sống chung với chị H. Xét thấy trong thời gian chị H và anh P không sống chung với nhau, con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V đã có sự gắn bó chăm sóc của người mẹ từ nhỏ, anh P không có ý kiến gì đối với việc nuôi con của chị H. Hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2016 cháu V có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy việc giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng chính đáng của con. Do đó, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu V, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cần giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con, do đó tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với anh P cho đến khi chị H có đơn yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[6] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện mối quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh P là có mâu thuẫn và hai bên đã không sống chung từ năm 2009 đến nay, trong thời gian ly thân không ai thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu

ly hôn là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của phía nguyên đơn. Về con chung: trong thời gian vợ chồng không sống chung, con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với việc nuôi con, hơn nữa hiện nay trẻ V có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó việc giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng chính đáng của con. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của chị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227 và Điều 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị H và anh P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung cháu V, sinh ngày 18/3/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với anh P cho đến khi chị H có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí:

Chị H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm ngàn) đồng chị H đã nộp theo Biên lai số 007256 ngày 05/5/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hải Dương.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKDND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Lương Điền, H.Cẩm Giàng;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh